

Số: **27** /2016/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **15** tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện điểm a) khoản 1 điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 79/TTr-SNN ngày 26/4/2016; đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1531/STC-GCS ngày 13/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện các nội dung của Quyết định này.

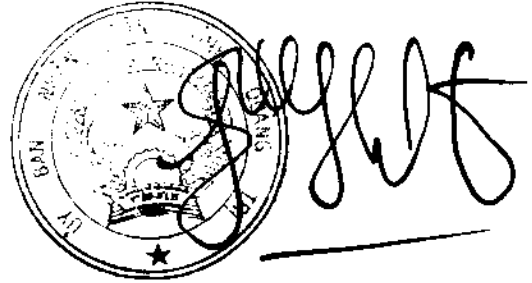
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL. - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- Lưu: VT, VX, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *h***



Nguyễn Đức Chính

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết một số chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi về phối giống nhân tạo gia súc, con giống vật nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi).
2. Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối với hộ chăn nuôi

1. Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với lợn, bò
 - a) Thụ tinh nhân tạo cho lợn nái sinh sản
 - Loại tinh: Sử dụng tinh lợn các giống Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain; tổ hợp lai của các giống lợn ngoại đã nêu.
 - Mức hỗ trợ: Không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một lợn nái/năm.
 - Đơn giá hỗ trợ:
Liều tinh lợn ngoại có thể tích không nhỏ hơn 50ml để phối cho nái nội, nái lai: 31.500 đồng/liều.

Liều tinh lợn ngoại có thể tích không nhỏ hơn 80ml để phối cho nái ngoại: 45.500 đồng/liều.

- Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh dùng để phối giống nhân tạo theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Thụ tinh nhân tạo cho bò cái sinh sản

- Loại tinh: Sử dụng tinh các giống bò được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam với các giống như sau:

Nhóm bò Zebu: Red Sindhi, Sahiwal, Brahman.

Nhóm bò thịt chất lượng cao: Charolaise, Droughtmaster, Limousine, Crimousine, Blanc Bleu Belge (BBB).

- Mức hỗ trợ: Không quá 02 liều tinh/bò cái/năm.

- Định mức vật tư thụ tinh nhân tạo cho bò cái sinh sản:

Nitơ lỏng dùng để vận chuyển đi phối giống: 1,8 lít/01 con bò cái có chửa; Nitơ lỏng dùng để bảo quản tinh ở các điểm trung chuyển được tính theo thực tế sử dụng hàng năm, tối đa không quá 180 lít/năm/bình 35lít và phải thường xuyên bảo quản ít nhất 200 liều tinh trở lên đối với loại bình Nitơ 35 lít.

Dụng cụ (găng tay, dẫn tinh quản): 1,6 bộ/bò cái có chửa.

- Đơn giá hỗ trợ:

Liều tinh nhóm bò Zebu: 22.400 đồng/liều; nhóm bò thịt chất lượng cao: 84.000 đồng/liều.

Nitơ lỏng 17.500 đồng/lít, găng tay 4.550 đồng/đôi, dẫn tinh quản 2.450 đồng/cái.

Hỗ trợ công phối giống: 35.000 đồng/bò cái có chửa.

- Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh dùng để phối giống nhân tạo theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Điều kiện được hưởng hỗ trợ phối giống nhân tạo lợn, bò thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỗ trợ mua lợn, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

a) Hỗ trợ một lần một phần giá trị con giống lợn, trâu, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ, như sau:

- Loại giống:

Lợn đực giống: Sử dụng các giống lợn Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain; tổ hợp lai của các giống lợn nêu trên.

Bò đực giống: Sử dụng giống thuộc nhóm bò Zebu (Red Sindhi, Brahman, Sahiwal), các tổ hợp lai của nhóm bò Zebu với bò vàng Việt nam nhưng tối thiểu phải từ 75% máu bò Zebu trở lên được cơ quan chuyên môn kiểm tra chất lượng giống.

Trâu đực giống: Sử dụng giống trâu đực nội được các cơ quan chuyên môn kiểm tra chất lượng giống.

- Số lượng: Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ không quá 03 con lợn đực giống, hoặc 01 con trâu, hoặc 01 con bò đực giống.

- Mức hỗ trợ:

Lợn đực giống: Hỗ trợ một lần số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/01 con đối với lợn đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên.

Bò đực giống: Hỗ trợ một lần số tiền là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng)/01 con bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên.

Trâu đực giống: Hỗ trợ một lần số tiền là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)/01 con trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên.

- Tiêu chuẩn chất lượng con giống: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Điều kiện được hưởng hỗ trợ mua lợn, trâu, bò đực giống: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hỗ trợ một lần một phần giá trị con giống gà, vịt giống bố mẹ hậu bị cho các hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh có gắn với áp nỏ cung cấp con giống, như sau:

- Loại giống:

Gà giống bố mẹ hậu bị: Gà Ri, gà Ác, gà H'Mông, gà Kabir, gà Ai Cập, gà VCN-G15, gà Lương Phượng.

Vịt giống bố mẹ hậu bị: Vịt cỏ chọn lọc, Bầu Quý, CV 2000 Layer, CV superM.

- Số lượng: Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị (trong đó số lượng gà trống hoặc vịt trống không được phép vượt quá 50 con).

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần số tiền là 35.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn đồng)/01 con gà, vịt giống bố mẹ hậu bị từ 8 tuần tuổi trở lên.

- Tiêu chuẩn chất lượng con giống: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn.

- Điều kiện được hưởng hỗ trợ mua gà, vịt giống bố mẹ hậu bị: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi

a) Xây dựng công trình khí sinh học (Biogas)

- Đơn giá áp dụng hỗ trợ xây dựng bể Biogas: 1.190.000 đồng/m³.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần một phần giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức tối đa: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/01 công trình/01 hộ.

b) Đệm lót sinh học

- Đệm lót sinh học cho chăn nuôi gia cầm:

Diện tích tối thiểu 30m² trở lên.

Đơn giá áp dụng hỗ trợ: 52.500 đồng/m².

- Đệm lót sinh học cho chăn nuôi lợn:

Diện tích tối thiểu 6m² trở lên đối với chăn nuôi lợn nái; 12m² trở lên đối với chăn nuôi lợn thịt.

Đơn giá áp dụng hỗ trợ: 147.000 đồng/m².

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 1 lần một phần giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức tối đa: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/01 hộ.

c) Điều kiện hỗ trợ làm đệm lót sinh học và công trình khí sinh học Biogas: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo bò

Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo bò được hưởng các chính sách hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

a) Hỗ trợ một lần chi phí đào tạo, tập huấn phối giống nhân tạo bò. Mức hỗ trợ: 4.200.000 đồng/người.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo bò

a) Hỗ trợ bình cá nhân có dung tích 3,15 lít cho người làm dịch vụ phối

giống nhân tạo bò. Mức hỗ trợ: 3.500.000đồng/1bình/1người.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ chế tài chính và nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước:

- Nguồn ngân sách tỉnh bố trí hàng năm.

- Nguồn ngân sách Trung ương cấp bù;

b) Kinh phí từ các chương trình, dự án Trung ương; các tổ chức kinh tế xã hội; các chương trình hợp tác quốc tế khác.

2. Cơ chế tài chính: Thực hiện hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điều 2 Thông tư 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc Quy định cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Trên cơ sở các định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này, hàng năm, chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước tháng 10 hàng năm để triển khai thực hiện.

b) Hướng dẫn các tiêu chuẩn kỹ thuật về liệu tinh, con giống (lợn, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị) và định mức vật tư phối giống nhân tạo bò; hướng dẫn quy trình, kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý môi trường.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chi định và công bố danh sách cơ sở sản xuất tinh lợn đực giống đảm bảo chất lượng cho các địa phương và người chăn nuôi lựa chọn.

d) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện chính sách được giao.

đ) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc kiểm tra, thẩm định chất lượng giống vật nuôi được hỗ trợ.

e) Phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan, các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ, định kỳ hàng năm báo cáo tình hình cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Đề xuất, bố trí kinh phí, hướng dẫn cơ chế tài chính, hướng dẫn thanh quyết toán thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Thông tư 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính cấp kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

c) Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra việc triển khai thực hiện quy định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

a) Trước tháng 9 hàng năm Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã lập kế hoạch chi tiết gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cân đối và quyết định phân bổ.

b) Bố trí kinh phí thực hiện chương trình hợp lý cho các xã, phường, thị trấn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nội dung của chương trình.

c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

d) Tuyên truyền, phổ biến chính sách và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đúng đối tượng, công khai danh sách các đối tượng được hưởng hỗ trợ đến từng xã, thôn; thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình tại địa phương.

đ) Lập cam kết chăm sóc nuôi dưỡng đúng quy trình, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng thời gian nuôi, quy định về loại thải đối với con giống cho hộ chăn nuôi được hỗ trợ.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách đến từng thôn, bản, từng hộ chăn nuôi.

b) Hướng dẫn thực hiện chính sách tại cơ sở, kiểm tra và xác nhận đúng đối tượng được hưởng hỗ trợ.

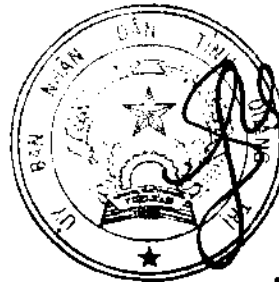
c) Quản lý, kiểm tra, theo dõi và giám sát việc thực hiện chính sách tại địa phương.

d) Tháng 8 hàng năm, các xã, phường, thị trấn tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của địa phương gửi Ủy ban nhân dân huyện và các đơn vị liên quan để cân đối phân bổ, hỗ trợ.

đ) Hướng dẫn người dân chăn nuôi bảo đảm vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với lợn và 48 tháng đối với trâu, bò; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh. Không sử dụng con đực lợn, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ. Thực hiện các quy định và hướng dẫn của địa phương để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các ngành, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *m*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *tc*



[Handwritten signature]
Nguyễn Đức Chính